

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 42/2013/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 09 tháng 10 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và
cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Kon Tum**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 53/2004/NĐ-CP, ngày 18 tháng 02 năm 2004 của Chính phủ về kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân các cấp;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2010/TTLT-UBND-BNV ngày 17 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban Dân tộc và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; /

Căn cứ Kết luận số 202-KL/BCS ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về công tác tổ chức - cán bộ;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tại Tờ trình số 322/TTr-BDT ngày 09 tháng 7 năm 2013 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2144/TTr-SNV ngày 24 tháng 9 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 45/2005/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về tổ chức và hoạt động của Ban Dân tộc tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Hùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 42/2013/QĐ-UBND
ngày 09 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

Chương I

VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA BAN DÂN TỘC TỈNH KON TUM

Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Ban Dân tộc là cơ quan chuyên môn ngang Sở thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

2. Ban Dân tộc chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Ủy ban Dân tộc.

3. Ban Dân tộc có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

4. Trụ sở của Ban Dân tộc đóng tại thành phố Kon Tum.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Chủ trì xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh:

a. Dự thảo các quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác dân tộc;

b. Dự thảo kế hoạch 5 năm và hàng năm, chính sách, chương trình, đề án, dự án quan trọng về công tác dân tộc; biện pháp tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ban Dân tộc;

c. Dự thảo văn bản quy định về tiêu chuẩn chức danh đối với cấp trưởng, cấp phó các đơn vị thuộc Ban Dân tộc; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Chủ trì xây dựng và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a. Dự thảo các quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác dân tộc;

b. Dự thảo quy định mối quan hệ công tác giữa Ban Dân tộc với các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c. Dự thảo quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, tổ chức lại, giải thể các tổ chức, đơn vị thuộc Ban theo quy định của pháp luật.

3. Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, chính sách thuộc lĩnh vực công tác dân tộc sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ban Dân tộc cho đồng bào dân tộc thiểu số; vận động đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án, đề án, mô hình thí điểm đầu tư phát triển kinh tế - xã hội đặc thù, hỗ trợ ổn định cuộc sống cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa và công tác định canh, định cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

5. Thường trực giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án do Ủy ban Dân tộc chủ trì quản lý, chỉ đạo; theo dõi, tổng hợp, sơ kết, tổng kết và đánh giá việc thực hiện các chương trình, dự án, chính sách dân tộc ở địa phương, tham mưu, đề xuất các chủ trương, biện pháp để giải quyết các vấn đề xóa đói, giảm nghèo, định canh, định cư, di cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số và các vấn đề dân tộc khác trên địa bàn tỉnh.

6. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tiếp đón, thăm hỏi, giải quyết các nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số theo chế độ chính sách và quy định của pháp luật; định kỳ tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số các cấp của tỉnh; lựa chọn đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng các tập thể và cá nhân tiêu biểu người dân tộc thiểu số có thành tích xuất sắc trong lao động, sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, giữ gìn an ninh, trật tự và gương mẫu thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

7. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ quản lý về công tác dân tộc đối với Phòng Dân tộc cấp huyện và cán bộ, công chức giúp Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

8. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực công tác dân tộc theo quy định của pháp luật và phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; tham gia thẩm định các dự án, đề án do các sở, ban, ngành và các cơ quan, tổ chức xây dựng có liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

9. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ; xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước về dân tộc theo chuyên môn, nghiệp vụ được giao.

10. Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống

lãng phí trong lĩnh vực công tác dân tộc theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

11. Phối hợp với Sở Nội vụ trong việc bố trí công chức là người dân tộc thiểu số làm việc tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cán bộ, công chức là người dân tộc làm việc tại Ủy ban nhân dân cấp xã; xây dựng và tổ chức thực hiện đề án ưu tiên tuyển dụng sinh viên dân tộc thiểu số đã tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng vào làm công chức tại cơ quan nhà nước ở địa phương. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc cử tuyển học sinh dân tộc thiểu số vào học các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dân tộc nội trú theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện công tác tổng hợp, thống kê, thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh và nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Dân tộc.

13. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của văn phòng, các phòng nghiệp vụ và các đơn vị sự nghiệp thuộc Ban Dân tộc; quản lý tổ chức, biên chế; thực hiện chế độ tiền lương, chính sách và chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Ban Dân tộc theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

14. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

15. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Chương II **CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ**

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Ban: Trưởng ban và không quá 03 Phó Trưởng ban.
2. Các tổ chức giúp việc thuộc Ban:
 - a. Văn phòng;
 - b. Thanh tra;
 - c. Phòng chính sách dân tộc;
 - d. Phòng Tuyên truyền - Pháp chế.

Việc thành lập các tổ chức giúp việc thực hiện theo quy định về phân cấp quản lý công tác tổ chức - cán bộ.

Việc quy định nhiệm vụ cụ thể và bố trí biên chế cho từng phòng do Trưởng ban quyết định trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và số lượng biên chế được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 4. Biên chế

Biên chế của Ban Dân tộc thuộc biên chế công chức được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu.

Việc bố trí công chức của Ban phải căn cứ vào chức danh, tiêu chuẩn, cơ cấu ngạch công chức theo quy định.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban

Trưởng ban là người đứng đầu cơ quan, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Ban Dân tộc. Trưởng ban có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Tổ chức và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 2 của Quy chế này đảm bảo kịp thời và đạt hiệu quả; đồng thời chịu trách nhiệm trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại mỗi kỳ họp theo quy định.

2. Quản lý, sử dụng và chịu trách nhiệm về hiệu quả quản lý sử dụng cán bộ công chức, tài chính, tài sản, vật tư, tài liệu... của cơ quan theo quy định.

3. Thực hiện chính sách chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và nâng cao trình độ nghiệp vụ cho cán bộ, công chức của cơ quan.

4. Làm chủ tài khoản của cơ quan.

5. Chỉ đạo các phòng chuyên môn nghiệp vụ của Ban thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

6. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn, thực hiện các quy định của Nhà nước về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh; ban hành các văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về các lĩnh vực công tác theo thẩm quyền.

7. Quyết định theo thẩm quyền quản lý hoặc kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xử lý những văn bản của các cấp, các ngành trái pháp luật hoặc không còn phù hợp.

8. Phân công cho Phó Trưởng ban phụ trách một số lĩnh vực công tác của Ban; ủy quyền giải quyết một số công việc thuộc thẩm quyền của Trưởng ban khi Trưởng ban vắng mặt.

9. Trưởng ban ban hành Quy chế làm việc, các mối quan hệ trong nội bộ cơ quan; quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của phòng, đơn vị tương đương thuộc Ban và quy định trách nhiệm của người đứng đầu các phòng, đơn vị tương đương thuộc Ban theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác).

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Trưởng ban

1. Phó Trưởng ban là người giúp việc cho Trưởng ban, chịu trách nhiệm trước Trưởng ban và trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công.

2. Khi Trưởng ban vắng mặt, một Phó Trưởng Ban được Trưởng ban ủy nhiệm điều hành hoạt động của cơ quan; tham gia ý kiến với Trưởng ban về công việc chung của cơ quan.

3. Được chủ tài khoản uỷ quyền đăng ký chữ ký tại Kho bạc Nhà nước tỉnh.

Chương III

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ MỐI LIÊN HỆ CÔNG TÁC

Điều 7. Chế độ làm việc

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác:

Trên cơ sở đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; chương trình công tác của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban Dân tộc, Ban Dân tộc tỉnh tiến hành cụ thể hóa chương trình, kế hoạch công tác cho từng thời kỳ, hàng năm, dài hạn làm cơ sở cho việc triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Thời hạn giải quyết công việc:

Những công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban, nếu pháp luật đã quy định thời hạn giải quyết thì giải quyết theo quy định. Nếu pháp luật chưa quy định thời hạn giải quyết thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, phòng chuyên môn liên quan phải nghiên cứu, đề xuất ý kiến trình Trưởng ban (Phó Trưởng ban phụ trách lĩnh vực được phân công hoặc ủy quyền) giải quyết và trả lời cho tổ chức hoặc công dân. Trường hợp chưa giải quyết hoặc không giải quyết được phải trả lời rõ lý do bằng văn bản để tổ chức, công dân biết.

3. Chế độ soạn thảo, trình ký và ban hành văn bản: Việc soạn thảo văn bản thực hiện đúng quy trình, thể thức văn bản. Nội dung văn bản phải rõ ràng, cụ thể và đúng quy định pháp luật; ban hành văn bản phải đến đúng đối tượng thi hành trong văn bản.

a) Đối với văn bản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban lập hồ sơ, thủ tục trình ký theo quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh. Nếu công việc liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp thì Trưởng ban phải chủ trì phối hợp với các cấp, các ngành trao đổi thống nhất bằng văn bản trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Trường hợp nội dung trình có liên quan đến chức năng của các cơ quan khác, trong hồ sơ trình phải có ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan.

b) Đối với văn bản thuộc thẩm quyền của Trưởng ban: Việc ký và ban hành văn bản do Trưởng ban chịu trách nhiệm về nội dung và thể thức văn bản. Phó Trưởng ban khi được Trưởng ban ủy quyền ký và ban hành các văn bản

phải chịu trách nhiệm về nội dung và thể thức văn bản trước Trưởng ban và pháp luật.

4. Chế độ báo cáo:

a. Hàng tháng, quý, 6 tháng và năm Trưởng ban thực hiện báo cáo tình hình triển khai nhiệm vụ đối với Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Dân tộc theo đúng thời gian quy định.

b. Khi đi công tác ngoài tỉnh, Trưởng ban phải báo cáo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh trước 03 ngày, trường hợp đột xuất phải báo cáo ngay trước khi đi công tác để Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến.

c. Khi có vấn đề đột xuất nảy sinh vượt quá thẩm quyền thì Trưởng ban phải báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh để xử lý kịp thời.

5. Công tác lưu trữ:

Việc lưu trữ phải tiến hành thường xuyên, kịp thời và đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 8. Mọi quan hệ công tác

1. Đối với Ủy ban Dân tộc:

a. Mọi quan hệ công tác giữa Ban Dân tộc đối với Ủy ban Dân tộc là quan hệ giữa cấp dưới đối với cấp trên về công tác chuyên môn, nghiệp vụ của ngành.

b. Chịu sự hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Ủy ban Dân tộc.

2. Đối với Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

Chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh) và có trách nhiệm báo cáo thường kỳ, đột xuất những vấn đề liên quan về công tác dân tộc phát sinh vượt quá thẩm quyền để xin ý kiến chỉ đạo của Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Đối với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh:

a. Ban Dân tộc chịu sự giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh trong quá trình thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh có liên quan đến công tác dân tộc và chính sách dân tộc

b. Chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của Ủy ban nhân dân tỉnh về các mặt công tác có liên quan đến dân tộc và chính sách dân tộc. Báo cáo thường xuyên, định kỳ, đột xuất về công tác dân tộc và chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh đến Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Đối với các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh:

a. Mọi quan hệ công tác giữa Ban Dân tộc đối với các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh là quan hệ phối hợp trong việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng,

các quyết định, các chương trình, dự án của Nhà nước đầu tư, hỗ trợ đối với đồng bào dân tộc trên đại bàn.

b. Ban Dân tộc thường xuyên phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh xây dựng kế hoạch liên tịch để thực hiện các mặt công tác chuyên môn, nghiệp vụ về công tác dân tộc; đồng thời phối hợp các cơ quan có liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh.

5. Đối với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

Mối quan hệ công tác giữa Ban Dân tộc đối với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố là quan hệ tổ chức và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ có liên quan đến hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ quản lý Nhà nước về công tác dân tộc ở các huyện, thành phố.

6. Đối với Phòng Dân tộc:

Mối quan hệ công tác giữa Ban Dân tộc đối với Phòng Dân tộc là quan hệ chỉ đạo, quản lý, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ; chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch của ngành thống nhất từ Trung ương đến tỉnh, huyện, thành phố và xã, phường, thị trấn.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 9. Trưởng Ban Dân tộc căn cứ vào Quy định này để quy định nhiệm vụ và lề lối làm việc của các tổ chức trực thuộc.

Trưởng Ban Dân tộc có trách nhiệm theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện quy chế này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) xem xét quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hùng